

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2023
V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH ANGIANG.

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hoàng Tam;
- Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Cảnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoàng Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 226/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/5/2023 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 71/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Quỳnh D, sinh năm 1997; địa chỉ cư trú: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; có mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh V, sinh năm 1995; địa chỉ cư trú: Khóm A, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 14/4/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Trương Thị Huỳnh D trình bày: Về hôn nhân giữa chị D với anh Nguyễn Thanh V do quen biết nhau trước, được cha, mẹ hai bên đồng ý nên hai người tiến tới hôn nhân vào năm 2019. Hai người có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, theo giấy chứng nhận kết hôn số 44, ngày 23/5/2019. Sau khi cưới nhau thì chị D và anh V về sống chung tại gia đình cha mẹ anh V, vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm

thì anh V thường hay cờ bạc, chị D có khuyên can nhiều lần nhưng anh V không thay đổi. Vợ chồng không còn sống chung năm 2021 đến nay. Chị D nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại, sống không có hạnh phúc. Chị D xin được ly hôn với anh V.

- Về con chung: Chị D với anh Nguyễn Thanh V có với nhau 01 đứa con chung tên Nguyễn Ngọc Yến V, sinh ngày 31/01/2019. Hiện cháu đang sống với chị D. Khi ly hôn, chị D yêu cầu nuôi con, chị D không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị D khai chị với anh V không có tài sản chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị D khai, chị với anh V không có nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh V vắng mặt không lý do.

Biên xác minh ngày 29/5/2023 của bà Nguyễn Thị T cung cấp về tình trạng hôn nhân của chị D và anh V thể hiện: Bà Tuyết là cô ruột của anh V. Hôn nhân của chị D với anh Nguyễn Thanh V do quen biết nhau trước, được cha, mẹ hai bên đồng ý nên hai người tiến tới hôn nhân vào năm 2019. Hai người có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, theo giấy chứng nhận kết hôn số 44, ngày 23/5/2019. Sau khi cưới nhau thì chị D và anh V về sống chung tại gia đình cha mẹ anh V, vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm thì anh V thường hay cờ bạc và anh V thường ghen tuông vô cớ dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Chị D và anh V không còn sống chung từ năm 2021 đến nay.

Biên bản xác minh ngày 29/5/2023 Công an phường L, thị xã T, tỉnh An Giang cung cấp: Anh Nguyễn Thanh V, sinh năm 1995 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khóm A, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thực hiện được do anh V vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh ngày 29/5/2023 của bà Nguyễn Thị T, biên bản không lấy được lời khai anh V ngày 29/5/2023, biên bản xác minh ngày 29/5/2023 của Công an phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, chị D giữ nguyên yêu cầu, anh V vắng mặt,

Chị D xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác; anh V không cung cấp chứng cứ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, chị Trương Thị Huỳnh D với anh Nguyễn Thanh V có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, năm 2021 giữa chị D với anh V có phát sinh mâu thuẫn. Chị D với anh V đã không còn sống chung thời gian dài. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị D với anh V có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Yến V, sinh ngày 31/01/2019. Hiện cháu đang sống với chị D. Đề nghị giao con chung tên Nguyễn Ngọc Yến V cho chị D nuôi, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Chị Trương Thị Huỳnh D khởi kiện “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” với anh Nguyễn Thanh V, sinh năm 1995; địa chỉ cư trú: Khóm A, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 29/5/2023 Công an phường L, thị xã T, tỉnh An Giang cung cấp: Anh Nguyễn Thanh V, sinh năm 1995 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khóm A, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

Sự vắng mặt của đương sự: Anh Nguyễn Thanh V vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Huỳnh D với anh Nguyễn Thanh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn UBND xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, theo giấy chứng nhận kết hôn số 44, ngày 23/5/2019. Xét, hôn nhân giữa chị D và anh V là hợp pháp.

Chị D khai, Sau khi cưới nhau thì chị D và anh V về sống chung tại gia đình cha mẹ anh V, vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm thì anh V thường hay cờ bạc, chị D có khuyên can nhiều lần nhưng anh V không thay đổi. Vợ

chồng không còn sống chung năm 2021 đến nay. Chị D nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại, sống không có hạnh phúc. Chị D xin được ly hôn với anh V.

Biên xác minh ngày 29/5/2023 của bà Nguyễn Thị T cung cấp về tình trạng hôn nhân của chị D và anh V thể hiện: Bà Tuyết là cô ruột của anh V. Hôn nhân của chị D với anh Nguyễn Thanh V do quen biết nhau trước, được cha, mẹ hai bên đồng ý nên hai người tiến tới hôn nhân vào năm 2019. Hai người có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, theo giấy chứng nhận kết hôn số 44, ngày 23/5/2019. Sau khi cưới nhau thì chị D và anh V về sống chung tại gia đình cha mẹ anh V, vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm thì anh V thường hay cờ bạc và anh V thường ghen tuông vô cớ dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Chị D và anh V không còn sống chung từ năm 2021 đến nay.

Theo khoản 2 Điều 17, Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp,... và lý do chính đáng khác”;

“Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”.

Chị D với anh V có thời gian dài không sống chung, hai người không tự hàn gắn lại được, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Giữa chị D với anh V đã sống xa cách nhau từ năm 2021 đến nay.

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét, chấp nhận yêu cầu của chị D ly hôn đối với anh V.

[3] Về con chung: Chị D với anh V, trong thời kỳ hôn nhân hai người có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Yến V, sinh ngày 31/01/2019. Hiện cháu đang sống với chị D. Khi ly hôn, chị D yêu cầu nuôi con, chị D không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Xét, giao cháu Nguyễn Ngọc Yến V, sinh ngày 31/01/2019 cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh V trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D khai giữa chị với anh V không có tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đặt ra giải quyết. Nếu

sau này anh V cho rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa anh V với chị D có tài sản, nợ chung mà không tự thỏa thuận được thì anh V vẫn có quyền khởi kiện chị D ra tòa yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Trương Thị Huỳnh D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị D được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0006994 ngày 12/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Anh Nguyễn Thanh V không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Huỳnh D.

Về hôn nhân: Chị Trương Thị Huỳnh D được ly hôn với anh Nguyễn Thanh V;

Giấy chứng nhận kết hôn số 44, ngày 23/5/2019 do UBND xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp cho chị Trương Thị Huỳnh D với anh Nguyễn Thanh V không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao Nguyễn Ngọc Yến V, sinh ngày 31/01/2019 cho chị Trương Thị Huỳnh D được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thanh V không phải cấp dưỡng nuôi con..

Chị Trương Thị Huỳnh D cùng thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Thanh V trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Nếu sau này anh Nguyễn Thanh V cho rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa anh V với chị D có tài sản, nợ chung thì anh V vẫn có quyền khởi kiện chị D ra tòa yêu cầu giải quyết trong vụ án khác

Về án phí: Trương Thị Huỳnh D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị D được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0006994 ngày 12/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Anh Nguyễn Thanh V không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị Trương Thị Huỳnh D có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời gian kháng cáo của anh Nguyễn Thanh V là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TX (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TX (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Minh